

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2016
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Phan Tuấn Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Tài	Thành viên
Ông Phan Văn Chiến	Thành viên

Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Đức Tài	Giám đốc
Ông Phạm Trọng Bình	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thủy mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Tài
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
 Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
 Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 15.08/2016/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông,
 Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2016, từ trang 4 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 phù hợp với Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 hướng dẫn kế toán đối với công ty quản lý quỹ, chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



(Signature)
 Phạm Tiến Dũng
 Phó Tổng Giám đốc
 Chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 0747-2013-072-1
 Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU B01 - CTQ
 Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.116.035.282	12.722.099.183
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17.697.319	102.425.834
1. Tiền	111	V.1	17.697.319	102.425.834
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	11.446.675.355	12.024.758.033
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.606.195.781	13.135.250.778
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.159.520.426)	(1.110.492.745)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		235.858.551	178.418.845
1. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	38.727.963	40.329.223
2. Các khoản phải thu khác	135	V.4	197.130.588	138.089.622
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		415.804.057	416.496.471
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		99.181.475	98.938.481
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	315.092.582	315.092.582
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.530.000	2.465.408
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		146.247.263	153.256.097
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		(14.183.619.830)	(14.183.619.830)
1 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(14.183.619.830)	(14.183.619.830)
I. Tài sản cố định	220		14.017.665	21.026.499
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	14.017.665	21.026.499
- Nguyên giá	222		78.681.200	78.681.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.663.535)	(57.654.701)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		99.000.000	99.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.000.000)	(99.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		14.315.849.428	14.315.849.428
1. Tài sản dài hạn khác	268	V.7	14.315.849.428	14.315.849.428
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		12.262.282.545	12.875.355.280

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU B01 - CTQ
 Đơn vị : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		138.262.909	201.298.631
I. Nợ ngắn hạn	310		107.003.290	170.039.012
1. Phải trả người bán	312		200.000	235.556
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	14.540.055	24.631.147
3. Chi phí phải trả	316	V.9	21.220.000	26.628.838
4. Các khoản phải trả khác	319		29.705.275	27.865.585
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		10.194.294	10.194.294
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		31.143.666	80.483.592
II. Nợ dài hạn	330		31.259.619	31.259.619
1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	337	V.10	31.259.619	31.259.619
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.124.019.636	12.674.056.649
I. Vốn chủ sở hữu	410		12.124.019.636	12.674.056.649
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(12.875.980.364)	(12.325.943.351)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		12.262.282.545	12.875.355.280

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		601.040.000	601.040.000
- Chứng khoán giao dịch	008		601.040.000	601.040.000
2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		11.389.910.067	11.272.369.660
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		29.970.838	10.366.936
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		11.359.939.229	11.262.002.724
3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.11	16.167.690.383	13.939.374.442
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		5.139.306.256	3.132.190.036
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		11.028.384.127	10.807.184.406
4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	V.12	39.966.666	251.838.592
5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.13	38.729.963	40.893.667



Nguyễn Thế Hưng
 Người lập
 Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Thế Hưng
 Kế toán trưởng




Nguyễn Đức Tài
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU B02 - CTQ

Đơn vị: VND

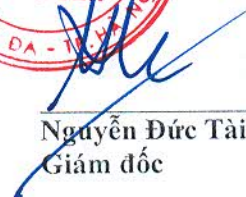
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu	01	VI.1	49.339.926	98.572.434
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		49.339.926	98.572.434
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn	11	VI.2	495.432.856	435.717.765
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		(446.092.930)	(337.145.331)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	374.028.686	399.785.455
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	124.514.891	201.067.160
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		353.457.878	507.703.024
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(550.037.013)	(646.130.060)
10. Thu nhập khác	31		-	5.421
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác	40		-	5.421
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(550.037.013)	(646.124.639)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(550.037.013)	(646.124.639)
17. Lãi trên cổ phiếu	70	VI.5	(220)	(258)



Nguyễn Thế Hưng
 Người lập
 Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Thế Hưng
 Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Tài
 Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU B03 - CTQ
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	-	267.950.575
2. Tiền chi trả cho người lao động	03	(422.700.000)	(566.975.617)
3. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	745.367.863	735.443.201
4. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(823.798.783)	(11.939.624.330)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(501.130.920)</i>	<i>(11.503.206.171)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu hồi cho vay, thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ	24	300.000.000	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	116.402.405	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>416.402.405</i>	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(84.728.515)	(11.503.206.171)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	102.425.834	11.872.225.864
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	117.697.319	369.019.693



Nguyễn Thế Hưng
Người lập
Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Thế Hưng
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Tài
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN
 Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng,
 quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ hoạt động
 từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU B05 - CTQ
 Đơn vị: VND

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	01/01/2015	01/01/2016	2015		2016		31/12/2015	30/06/2016
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	(10.644.852.907)	(12.325.943.351)	1.681.090.444	-	-	550.037.013	(12.325.943.351)	(12.875.980.364)
Cộng	14.355.147.093	12.674.056.649	-	1.681.090.444	-	550.037.013	12.674.056.649	12.124.019.636



(Handwritten signature)

Nguyễn Thế Hưng
 Người lập
 Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Nguyễn Thế Hưng
 Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Tài
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Bông Sen theo Giấy phép số 35/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 03 năm 2009, giấy phép điều chỉnh số 53/GPĐC-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2012 và giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 06 năm 2015.

Vốn Điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 11 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 11 người).

Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ: 6 người.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Áp dụng Chuẩn mực

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty đã áp dụng Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận các khoản dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho từng loại chứng khoán tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động khi giá thị trường cùng thời điểm thấp hơn giá trị đầu tư ghi nhận ban đầu.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận là thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình tại Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán với nguyên giá là 99.000.000 đồng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

Kế toán các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Giá vốn của các chứng khoán được xác định là bán ra trong kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ hoạt động khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SENPhòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng,
quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ 01/01/2016 đến 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B09 - CTQ**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	6.847.715	14.479.741
Tiền gửi ngân hàng	10.849.604	87.946.093
Cộng	17.697.319	102.425.834

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
- Tiền gửi có kỳ hạn		6.962.456.386		7.174.614.095
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	-	5.643.739.395	-	5.960.636.683
Chi tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá				
FLC	21.600	127.440.000	21.600	170.640.000
HPG	-	-	15.000	438.000.000
IDJ	-	-	139.200	320.160.000
PAC	-	-	2	66.600
SHI	2	19.000	2	23.400
NCT	3.690	413.280.000	-	-
FPT	21.540	900.372.000	-	-
Saraecom	50.000	-	50.000	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.159.520.426)		(1.110.492.745)
Cộng		11.446.675.355		12.024.758.033

3. Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	38.727.963	40.329.223
Cộng	38.727.963	40.329.223

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	194.948.779	138.089.622
Phải thu khác	2.181.809	-
Cộng	197.130.588	138.089.622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	315.092.582	315.092.582
	315.092.582	315.092.582

6. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2016	78.681.200	78.681.200
Tại 30/06/2016	78.681.200	78.681.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại 01/01/2016	57.654.701	57.654.701
Khấu hao trong kỳ	7.008.834	7.008.834
Tại 30/06/2016	64.663.535	64.663.535
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2016	21.026.499	21.026.499
Tại 30/06/2016	14.017.665	14.017.665

7. Tài sản dài hạn khác

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Kỹ quỹ, ký cược dài hạn	14.315.849.428	14.315.849.428
Cộng	14.315.849.428	14.315.849.428

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Thuế thu nhập cá nhân	14.540.055	23.910.737
Các loại thuế khác	-	720.410
Cộng	14.540.055	24.631.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Chi phí phải trả

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phí kiểm toán	20.000.000	25.000.006
Khác	1.220.000	1.628.832
Cộng	<u>21.220.000</u>	<u>26.628.838</u>

10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	31.259.619	31.259.619
Số hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số trích lập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	31.259.619	31.259.619

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Cổ phiếu niêm yết	5.139.306.256	3.132.190.036
<i>Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá</i>	<i>Giá mua</i>	<i>Giá mua</i>
IDJ	2.165.487.490	2.165.487.490
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
Cổ phiếu niêm yết	10.978.384.127	10.757.184.406
<i>Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá</i>	<i>Giá mua</i>	<i>Giá mua</i>
ABT	-	340.448.248
CTG	426.628.735	-
CSM	59.932.400	59.932.400
DPM	1.413.474.920	1.413.474.920
FLC	441.328.960	441.328.960
GAS	795.585.800	1.307.470.180
HAG	783.939.600	783.939.600
HPG	-	276.000.000
MCP	73.000	73.000
PVD	734.255.144	1.100.871.384
SDT	264.782.560	264.782.560
SSI	495.497.600	495.497.600
QHD	178.556.400	
HSG	-	325.650.000
VNR	47.090.441	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	50.000.000	50.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-
Cộng	11.028.384.127	10.807.184.406
Tổng cộng	16.167.690.383	13.939.374.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu về giao dịch chứng khoán	-	50.022.000
Phải thu phí quản lý	31.143.666	80.483.592
Phải thu cổ tức	8.823.000	121.333.000
Cộng	39.966.666	251.838.592

13. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả thuế	7.940.055	9.541.315
Phải trả phí quản lý	30.787.908	30.787.908
Phải trả phí lưu ký	-	564.444
Cộng	38.727.963	40.893.667

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ (Mã số 01)

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	49.339.926	98.572.434
Cộng	49.339.926	98.572.434

2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán (Mã số 02)

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	495.432.856	435.717.765
Cộng	495.432.856	435.717.765

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi	173.023.499	394.782.455
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	110.496.187	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	90.509.000	5.003.000
Cộng	374.028.686	399.785.455

4. Chi phí tài chính (Mã số 22)

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	73.636.800	187.800.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	49.027.681	13.267.160
Chi phí tài chính khác	1.850.410	-
Cộng	124.514.891	201.067.160

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(550.037.013)	(646.124.639)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể phân phối cho các cổ đông	(550.037.013)	(646.124.639)
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(220)	(258)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN
 Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng,
 quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ hoạt động
 từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán, bộ phận hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và bộ phận đầu tư chứng khoán, Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán (Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016)

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	-	38.727.963	-	-	38.727.963
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	12.223.554.582
Tổng tài sản hợp nhất	-	38.727.963	-	-	12.262.282.545
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	-	62.403.285	-	-	62.403.285
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	75.859.624
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	62.403.285	-	-	138.262.909

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN
 Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng,
 quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ hoạt động
 từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÀU B09 - CTQ

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016)

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	49.339.926	-	-	49.339.926
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các BP khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	-	49.339.926	-	-	49.339.926
Khấu hao và chi phí phân bổ	-	495.432.856	-	-	495.432.856
Kết quả kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	(446.092.930)	-	-	(446.092.930)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	(446.092.930)	-	-	(446.092.930)
Chi phí không phân bổ	-	353.457.878	-	-	353.457.878
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	374.028.686
Lãi khác	-	-	-	-	-
Chi phí tài chính	-	-	-	-	124.514.891
Lỗ trước thuế	-	-	-	-	(550.037.013)
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ					(550.037.013)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016)

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	-	40.329.223	-	-	40.329.223
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	12.835.026.057
Tổng tài sản hợp nhất	-	40.329.223	-	-	12.875.355.280
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	-	111.743.211	-	-	111.743.211
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	89.555.420
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	111.743.211	-	-	201.298.631

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016)

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	98.572.434	-	-	98.572.434
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các BP khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	-	98.572.434	-	-	98.572.434
Khấu hao và chi phí phân bổ	-	943.420.789	-	-	943.420.789
Kết quả kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	(844.848.355)	-	-	(844.848.355)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	(844.848.355)	-	-	(844.848.355)
Doanh thu từ các khoản đầu tư					
Lỗ khác					
Chi phí tài chính					
Lỗ trước thuế					
Lỗ trong kỳ					
					399.785.455
					5.421
					201.067.160
					(646.124.639)
					(646.124.639)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác. Do đó, công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	17.697.319	102.425.834
Phải thu khách hàng và phải thu khác	197.130.588	138.089.622
Đầu tư ngắn hạn	11.446.675.355	12.024.758.033
Cộng	11.661.503.262	12.265.273.489
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	29.905.275	28.101.141
Chi phí phải trả	21.220.000	26.628.838
Cộng	51.125.275	54.729.979

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	29.905.275	-	29.905.275
Chi phí phải trả	21.220.000	-	21.220.000
Cộng	51.125.275	-	51.125.275
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	28.101.141	-	28.101.141
Chi phí phải trả	26.628.838	-	26.628.838
Cộng	54.729.979	-	54.729.979

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.697.319	-	17.697.319
Phải thu khách hàng và phải thu khác	197.130.588	-	197.130.588
Đầu tư tài chính	11.446.675.355	-	11.446.675.355
Cộng	11.661.503.262	-	11.661.503.262
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.425.834	-	102.425.834
Phải thu khách hàng và phải thu khác	138.089.622	-	138.089.622
Đầu tư tài chính	12.024.758.033	-	12.024.758.033
Cộng	12.265.273.489	-	12.265.273.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÀU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của Ban giám đốc của Công ty được hưởng trong kỳ như sau:

Ban giám đốc	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2016 đến	Từ 01/01/2015 đến
			30/06/2016	30/06/2015
			VND	VND
Ông Nguyễn Đức Tài	Giám đốc	Tiền lương	53.631.282	150.000.000
Ông Phạm Trọng Bình	Phó Giám đốc	Tiền lương	52.800.000	52.800.000

4. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 đã được soát xét.



Nguyễn Thế Hưng
Người lập
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016



Nguyễn Thế Hưng
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Tài
Giám đốc